TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 02 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trang Thị R, sinh năm 1969; cư trú tại: Số nhà C, ấp X, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965; cư trú tại: Số nhà C, ấp X, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trang Thị R trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Cuối năm 1987, bà R và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Ông Đ nhiều lần nhậu nhẹt về chửi xúc phạm và đánh đập bà R. Chính quyền địa phương can ngăn nhưng ông Đ không thay đổi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: Bà R và ông Đ có 03 người con là Phạm Văn M, sinh năm 1988, Phạm Văn Th, sinh năm 1991 và Phạm Thị G,sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà R tự thỏa thuận với ông Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Bà R xác định Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Văn Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 1987, bà Trang Thị R và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận ông bà là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Bà R và ông Đ có 03 người con là Phạm Văn M, sinh năm 1988, Phạm Văn Th, sinh năm 1991 và Phạm Thị G, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà R tự thỏa thuận với ông Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung, nợ riêng*: Bà R xác định không có.

[6] *Về án phí*: Bà R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trang Thị R và ông Phạm Văn Đ là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Bà R và ông Đ có 03 người con là Phạm Văn M, sinh năm 1988, Phạm Văn Th, sinh năm 1991 và Phạm Thị G, sinh năm 1994, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà R tự thỏa thuận với ông Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Bà R xác định không có.

5. Về án phí: Bà R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 26/11/2021 bà R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000678 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc